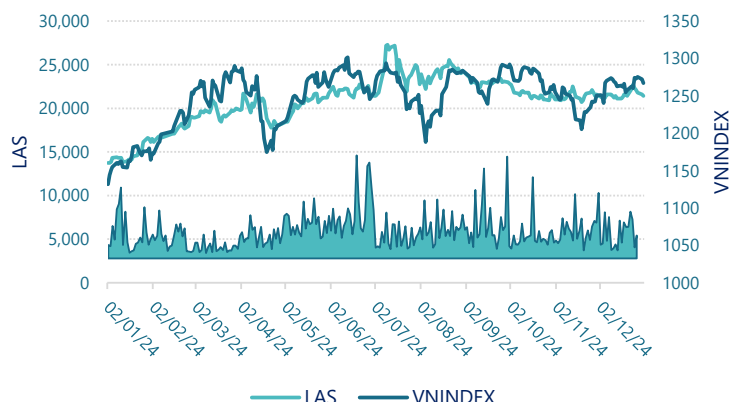


CTCP Supe Phốt phát và Hóa chất Lâm Thao (HNX: LAS)

Lịch sử giá



Thông tin giao dịch 31/12/2024

Giá hiện tại (VNĐ)	21,400
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	27,277
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	13,735
SL cổ phiếu LH	112,856,400
KLGD BQ 20 phiên (CP)	1,061,190
% sở hữu nước ngoài	0.1%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	2,415
P/E	14.2
EPS	1,502

DT thuần

Q4/24

604

tỷ VNĐ

QoQ: ▼208 | -25.6%

YoY: ▲ 55.0 | 10.1%

LN sau thuế

Q4/24

17.1

tỷ VNĐ

QoQ: ▼15.6 | -47.8%

YoY: ▼37.2 | -68.5%

Tỷ suất lãi EBIT

2024

6.7%

+/- YoY: ▲ 0.8%

DT thuần

2024

3,466

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 26.0 | 0.7%

LN sau thuế

2024

169

tỷ VNĐ

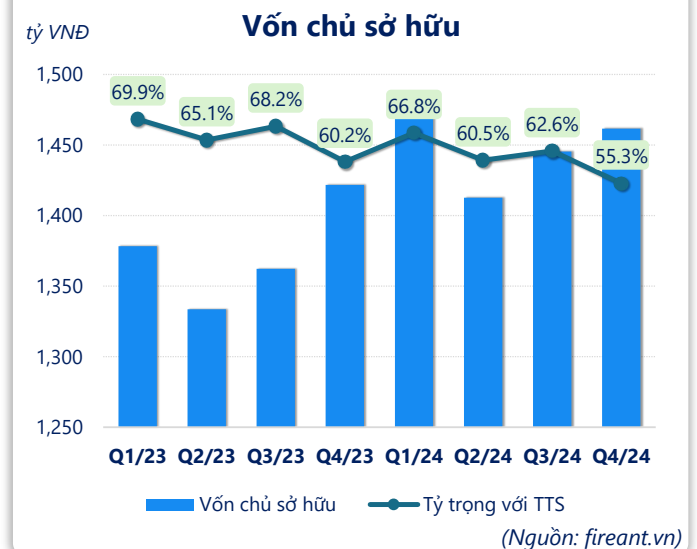
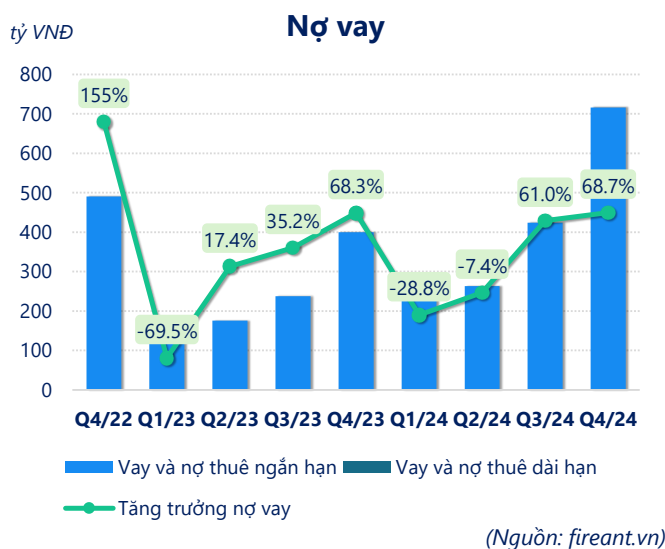
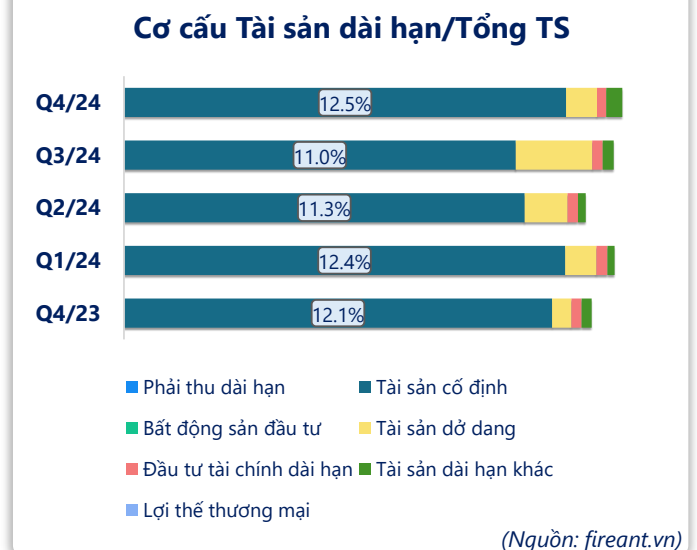
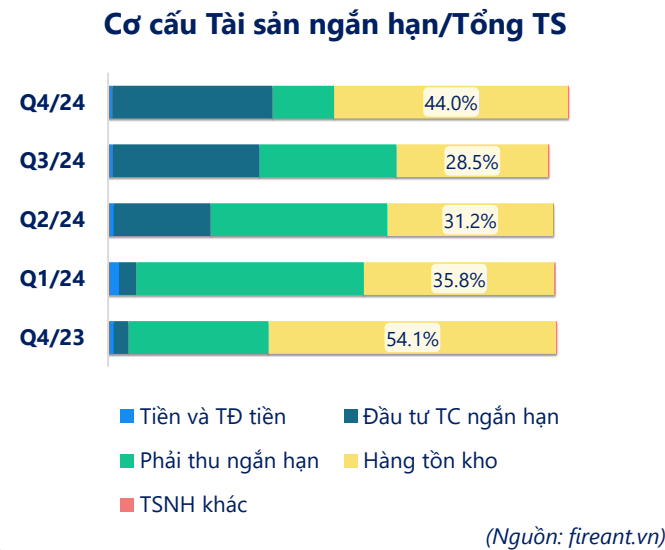
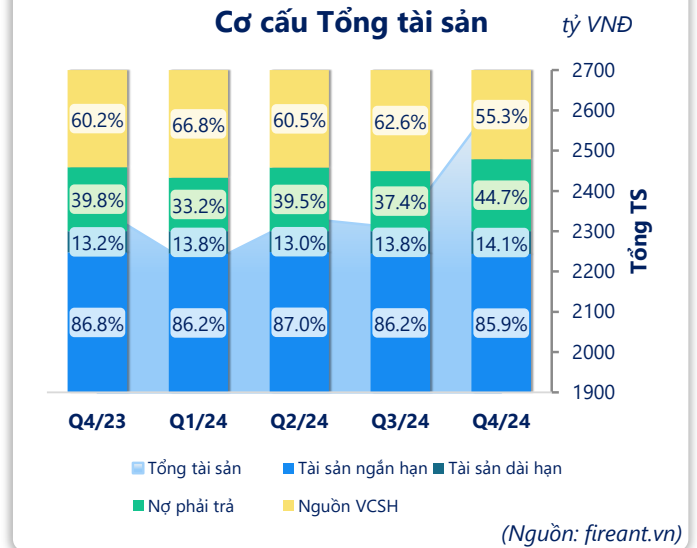
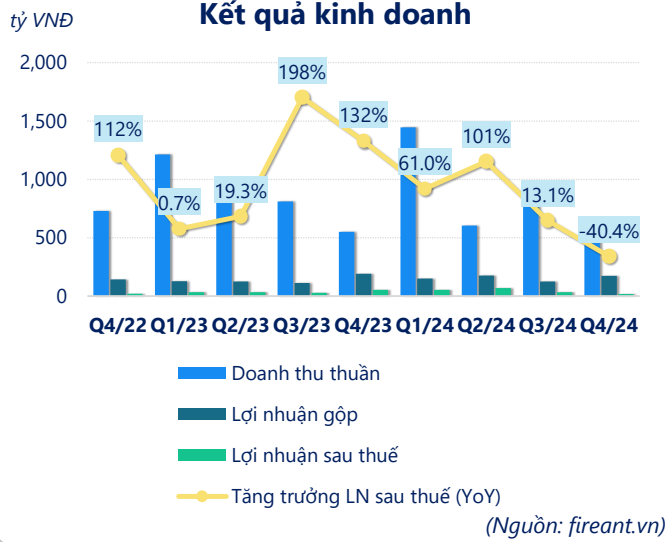
YoY: ▲ 20.0 | 13.6%

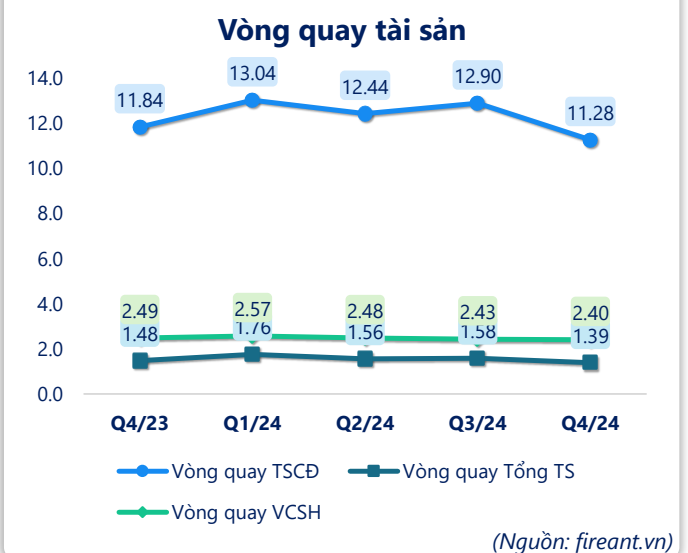
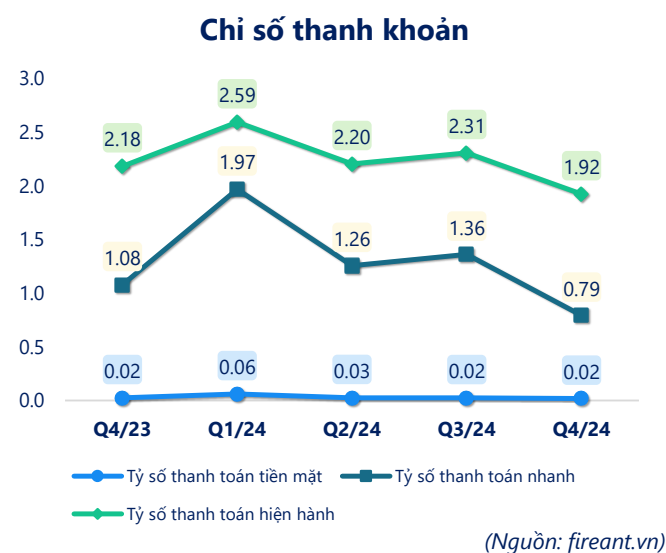
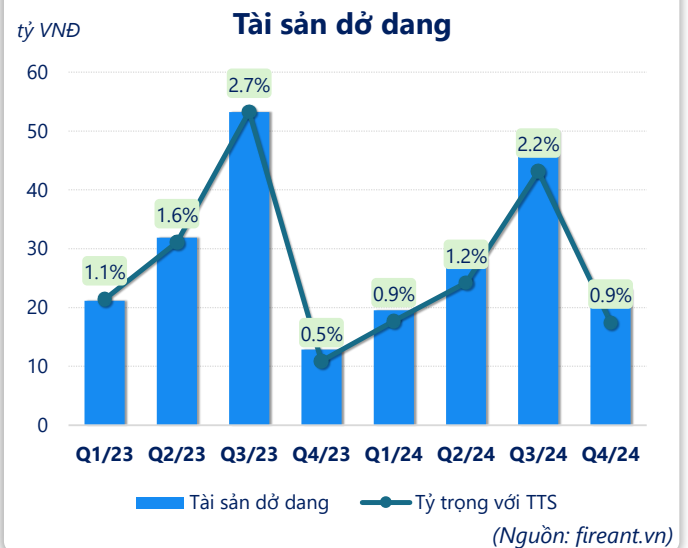
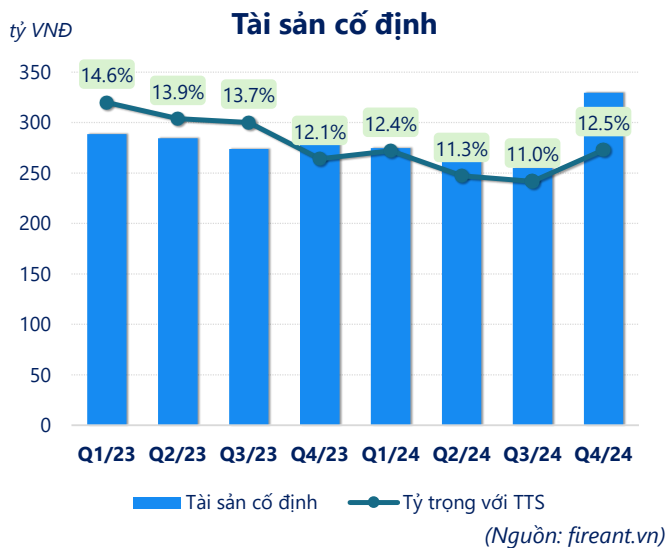
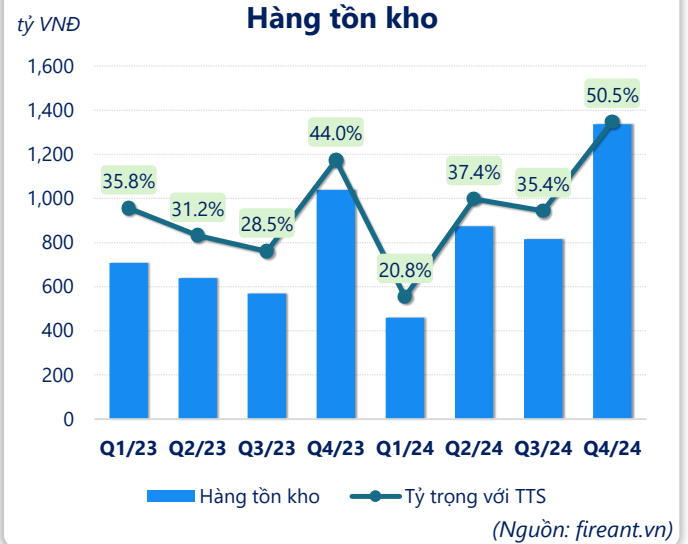
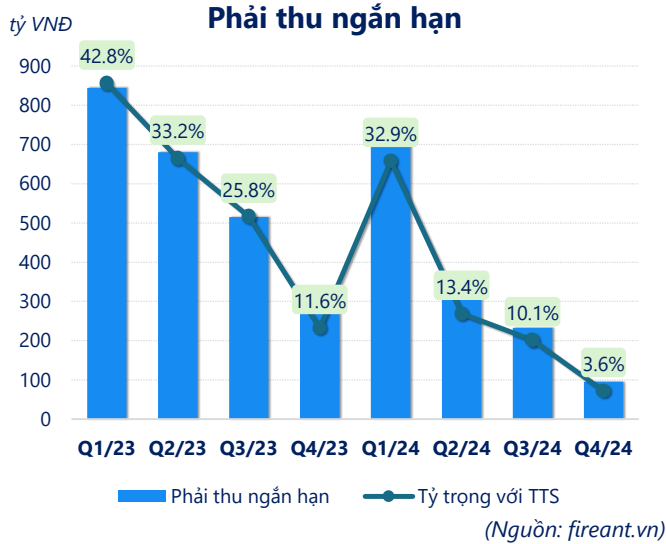
ROE

2024

11.7%

+/- YoY: ▲ 1.0%





CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24
Tổng tài sản	2,360	2,208	2,333	2,308	2,643
Tài sản ngắn hạn	2,049	1,902	2,030	1,989	2,271
Tiền và tương đương tiền	22.6	44.6	23.2	20.6	21.6
Đầu tư tài chính ngắn hạn	710	665	815	915	815
Phải thu ngắn hạn	275	727	314	233	95.2
Hàng tồn kho	1,038	459	874	816	1,336
Tài sản ngắn hạn khác	3.71	6.75	4.20	4.26	3.60
Tài sản dài hạn	311	306	304	319	371
Phải thu dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản cố định	285	275	264	255	330
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	12.9	19.5	28.3	49.8	23.1
Đầu tư tài chính dài hạn	6.84	6.84	6.84	6.84	6.84
Tài sản dài hạn khác	6.76	4.42	5.02	7.18	11.8
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	939	734	921	862	1,181
Nợ ngắn hạn	939	734	921	862	1,181
Vay và nợ thuê ngắn hạn	400	284	264	424	716
Phải trả người bán ngắn hạn	278	146	234	90.0	265
Nợ dài hạn	0	0	0	0	0
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	0	0	0
Nguồn vốn chủ sở hữu	1,422	1,474	1,413	1,445	1,462
Vốn chủ sở hữu	1,422	1,474	1,413	1,445	1,462
Vốn điều lệ	1,129	1,129	1,129	1,129	1,129
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)